

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04-02-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Nguyễn Thành Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc A; nơi cư trú: Số 1/34 Trương Văn L, phường HV, quận HB, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Quang T; nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam: Số 1/34 Trương Văn L, phường HV, quận HB, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Nhật Bản. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc A trình bày:

Chị kết hôn với anh Vũ Quang T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 5 năm 2012. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì anh T đi

lao động tại Nhật Bản. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do không có cùng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế. Anh chị đã cố gắng hòa hợp song mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Chị chỉ biết anh T đi sinh sống, lao động ở Nhật Bản còn địa chỉ cụ thể ở đâu thì chị không rõ. Tuy nhiên, anh T vẫn liên lạc với người thân trong gia đình anh là bố mẹ anh: Ông Vũ Quốc Thọ, sinh năm 1956 và bà Lâm Thị Nga, sinh năm 1960, địa chỉ: Xóm 8, thôn Hồng Minh, xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau đã 5 năm. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T để chị nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Ngọc H, sinh ngày 21/11/2012, hiện nay cháu đang sống với chị Ngọc A và sức khỏe bình thường. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xin tự giải quyết với anh T về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Vũ Quang T:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho bố mẹ anh là ông Vũ Quốc Thọ và bà Lâm Thị Nga. Tòa án đã 2 lần thông báo cho ông Vũ Quốc Thọ, bà Lâm Thị Nga cung cấp địa chỉ của anh T ở Nhật Bản và yêu cầu ông bà cho biết kết quả về việc ông bà đã thông báo cho anh T để gửi lời khai về Tòa án chưa. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Vũ Quốc Thọ thể hiện: Anh T vẫn thường xuyên liên lạc với vợ chồng ông bà nhưng ông và bà Nga không biết địa chỉ cụ thể anh T ở Nhật Bản. Ông bà **đã thông báo cho anh T về yêu cầu của Tòa án**. Anh T đồng ý ly hôn với chị Ngọc A nhưng anh không thể gửi lời khai về cho Tòa án vì công việc của anh bận, dịch bệnh Covid phức tạp nên điều kiện đi lại khó khăn. Gia đình anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Ngọc A và anh T ly hôn, để cho chị Ngọc A được nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Ngọc A và anh Vũ Quang T đều vắng mặt và chị Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của chị Ngọc A thể hiện chị vẫn giữ nguyên lời khai như tại đơn khởi kiện, bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Vũ Quang T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ

hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Ngọc A và anh Vũ Quang T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 5 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngọc A. Về con chung: Giao con chung Vũ Ngọc H, sinh ngày 21/11/2012 cho chị Nguyễn Ngọc A nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Ngọc A xin tự giải quyết với anh T nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị Ngọc A xin tự giải quyết với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn anh Vũ Quang T có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Nhật Bản), nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Ngọc A và anh Vũ Quang T đều vắng mặt, chị Ngọc A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Vũ Quang T: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Vũ Quang T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc A và anh Vũ Quang T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 5 năm 2012 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì anh T đi lao động tại Nhật Bản. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do không có cùng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế. Anh chị đã cố gắng hòa hợp song mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai

bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Ngọc A và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Nguyễn Ngọc A.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc A và anh Vũ Quang T có một con chung là: Vũ Ngọc H, sinh ngày 21/11/2012. Xét thấy, chị Nguyễn Ngọc A, gia đình anh T và cháu Hà đều có nguyện vọng để cho cháu Hà ở với chị Ngọc A. Mặt khác, từ nhỏ cháu Hà ở với chị Ngọc A, anh T đang ở nước ngoài nên không có điều kiện chăm sóc cháu Hà. Do đó, cần giao con chung cho chị Ngọc A chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngọc A xin tự giải quyết với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc A không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Vũ Quang T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc A và anh Vũ Quang T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn anh Vũ Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Ngọc H, sinh ngày 21/11/2012 cho chị Nguyễn Ngọc A nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Ngọc A không yêu cầu giải quyết, chị xin tự giải quyết với anh Vũ Quang T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc A không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Vũ Quang T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0019164 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Ngọc A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Vũ Quang T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

